

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên :Trần Văn Khánh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
NAM THIÊN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên :Trần Văn Khánh

Giảng viên hướng dẫn :ThS. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Văn Khánh

Mã SV:1512401092

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.
- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện, sử dụng số liệu năm 2018.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty TNHH Nam Thiện.
- Địa chỉ: Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Trần Văn Khánh

Ths. Phạm Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.	6
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.2.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	16
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.3. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	26
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	29
Sơ đồ 1.10 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ....	30
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính	30
Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính....	31

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THIÊNError! Bookmark not defined.

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Nam Thiện	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	32
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Nam Thiện	33
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Nam Thiện	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.....	38
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty.....	38
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại CÔNG TY TNHH NAM THIÊN	47
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	55
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	61
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	65
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	65

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THIÊN.....

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện	74
3.1.1. Ưu điểm.....	74
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.	76
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.	77
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.	77
3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.....	78

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 - Hóa đơn GTGT 0000612.....	41
Biểu số 2.2 - GBC ngày 3/1/2018. Ngân hàng TMCP Á Châu.....	42
Biểu số 2.3 - Phiếu thu số 31/1	43
Biểu số 2.4 – HĐGTGT 0000622	44
Biểu số 2.5 - Sổ nhật ký chung (trích)	45
Biểu số 2.6 - Sổ cái TK 511 (Trích).....	46
Biểu số 2.7 - Phiếu xuất kho số 05/1.....	51
Biểu số 2.8 - Phiếu xuất kho số 29/1.....	52
Biểu số 2.9 - Sổ nhật ký chung (trích)	53
Biểu 2.10 - Sổ Cái TK 632 (trích).....	54
Biểu 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông	57
Biểu số 2.12 - Phiếu chi số 5/1.....	58
Biểu số 2.13 - Sổ nhật ký chung (trích) Công ty TNHH Nam Thiện	60
Biểu 2.14 - Sổ Cái TK 642 (trích).....	60
Biểu số 2.15 - GBC 25/1 - Ngân hàng TMCP Á Châu.....	62
Biểu số 2.16 - Sổ nhật ký chung (trích)	63
Biểu 2.17 -Sổ Cái TK 515 (trích).....	64
Sơ đồ 2.8 – Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.....	65
Biểu số 2.18 - Phiếu kế toán số 27/12.....	67
Biểu số 2.19 - Phiếu kế toán số 28/12.....	67
Biểu số 2.20- Phiếu kế toán số 29/12.....	68
Biểu số 2.21 - Phiếu kế toán số 30/12.....	68
Biểu số 2.22 - Phiếu kế toán số 31/12.....	69
Biểu số 2.23 - Sổ nhật ký chung (trích)	70
Biểu 2.24 - Sổ Cái TK 911 Đơn vị tính: đồng	71
Biểu 2.25 - Sổ Cái TK 821	72
Biểu số 2.26 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	73

Biểu số 3.1 HĐ GTGT số 0000037.....	80
Biểu 3.8 - Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2018.....	86
Biểu 3.9 - Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	87

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong bất kỳ quốc gia nào, ở các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế kế toán bao giờ cũng có vị trí đặc biệt quan trọng. Công tác kế toán ở các doanh nghiệp Việt Nam là bộ phận không thể thiếu ở tất cả các đơn vị tổ chức. Kế toán là công việc ghi chép, thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động tài chính của một tổ chức, một doanh nghiệp, một cơ quan nhà nước, một cơ sở kinh doanh tư nhân... Đây là một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng nhờ một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh hiện nay.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty TNHH Nam Thiện cùng sự hướng dẫn của thạc sĩ Phạm Thị Nga, em xin chọn đề tài nghiên cứu **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty TNHH Nam Thiện năm 2018

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận.

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận, gồm 03 chương nội dung:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

- **Đối với doanh nghiệp:** Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- **Đối với nhà đầu tư:** Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

- **Đối với tổ chức trung gian hành chính:** Đối với các ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định đánh giá tình

hình tài chính để đưa ra các quyết định có nên cho doanh nghiệp đó vay hay không

• **Đối với cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế:** Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó các nhà hoạch định chính sách Quốc gia đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp trợ giá.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

• ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

• ***Doanh thu thuần:*** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

• ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu từ hoạt động tài chính: là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đem lại. Doanh thu hoạt động tài chính gồm tiền lãi (lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi về chuyển nhượng chứng khoán, lãi do bán ngoại tệ), thu nhập từ cho thuê tài sản, cổ tức được hưởng, lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh, lãi

về chuyển nhượng vốn, chênh lệch tăng tỷ giá ngoại tệ và các khoản doanh thu khác (doanh thu nhượng bán bất động sản, giá cho thuê đất)

• **Thu nhập khác** Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu; bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên có thể do chủ quan của doanh nghiệp hay khách quan đưa đến.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Các khoản chi phí, các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế TNDN là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra

Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kỳ

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Nguyên tắc và điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14' doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT), hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận

- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

▪ **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

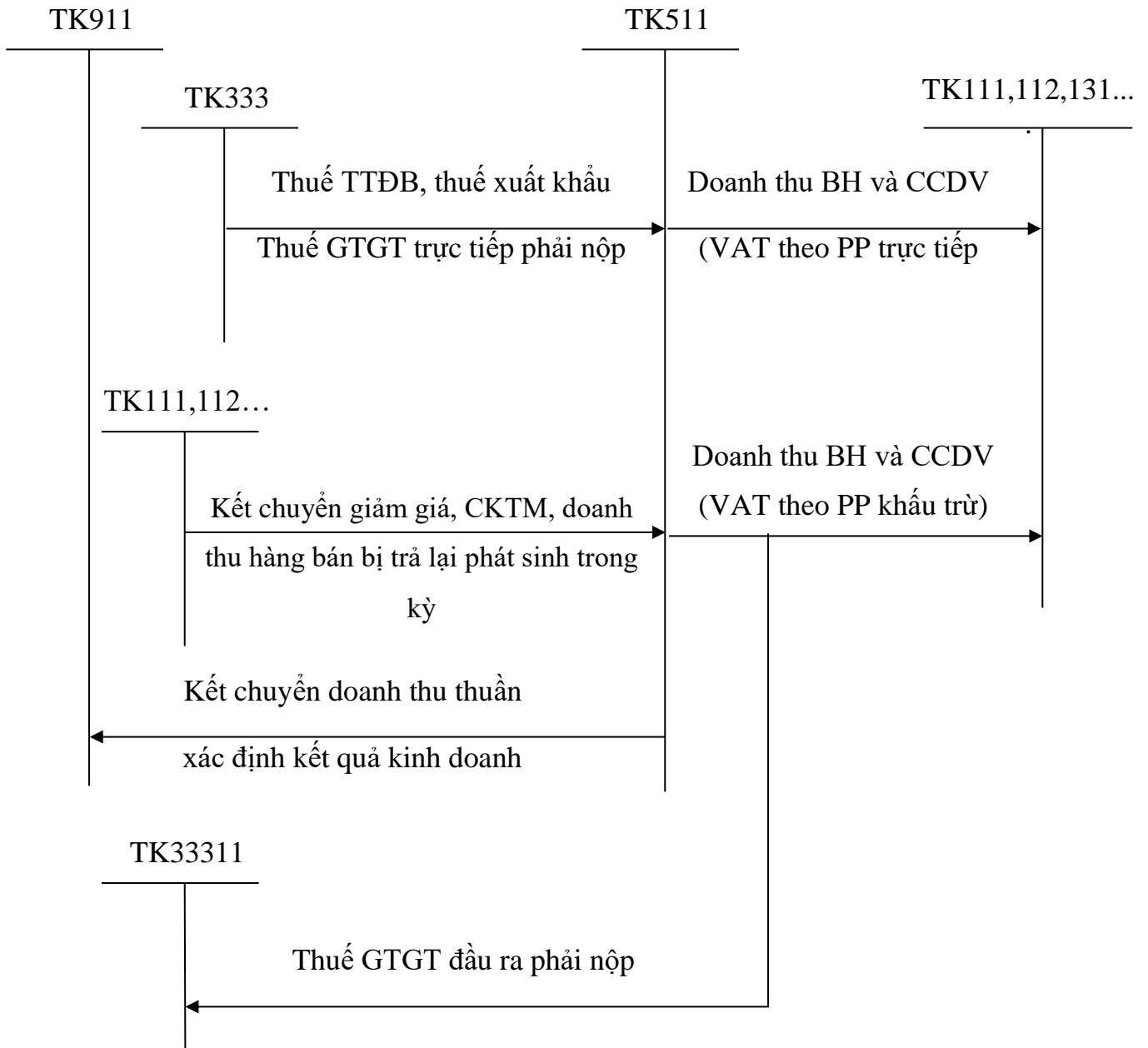
- **Kết cấu tài khoản 511**

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

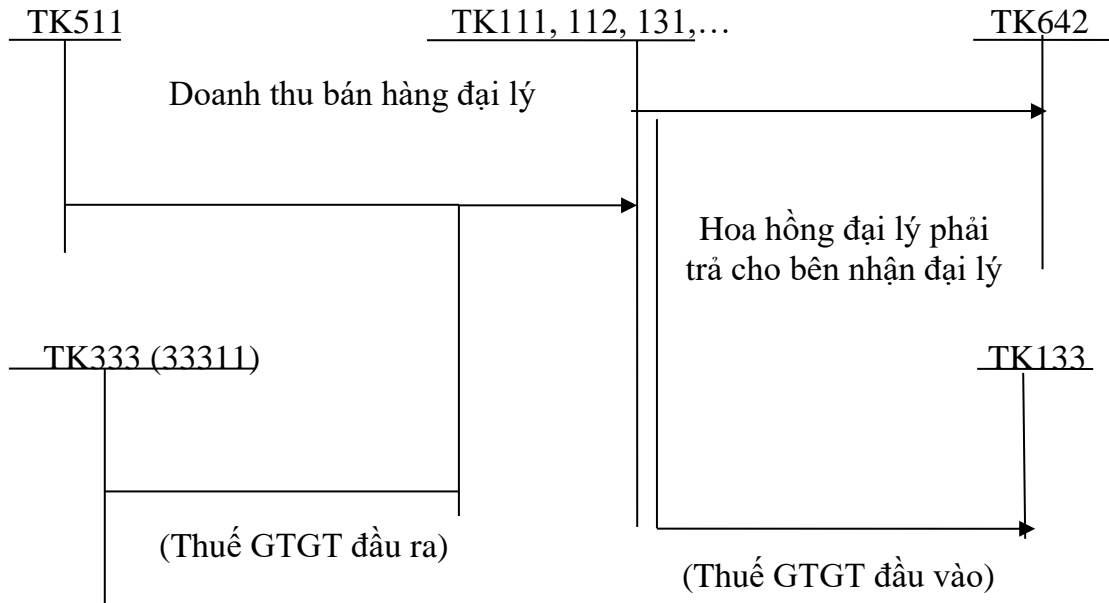
Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

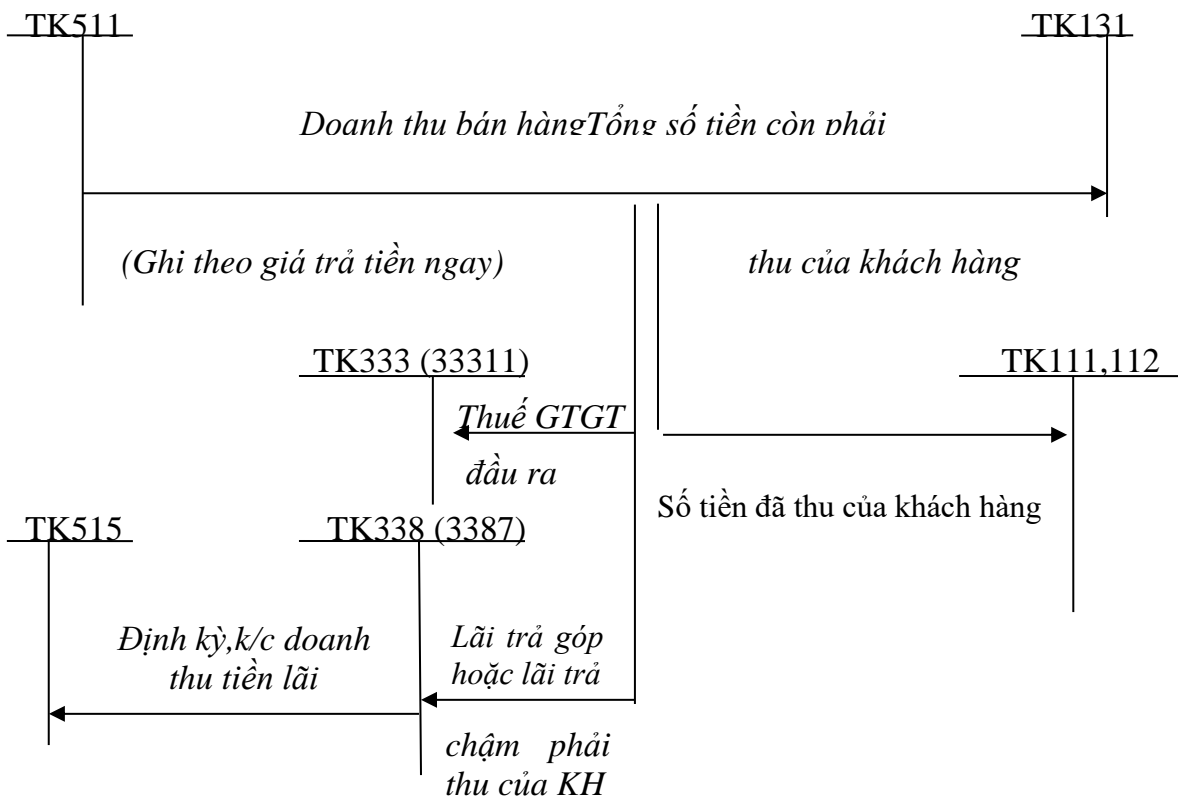
❖ Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức tiêu thụ



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý.
(Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền

• **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):** hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ

• **Phương pháp thực tế đích danh:** theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

• **Phương pháp bình quân gia quyền:** theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu xuất (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan
- **Kết cấu tài khoản 632**

*** Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phân bổ thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

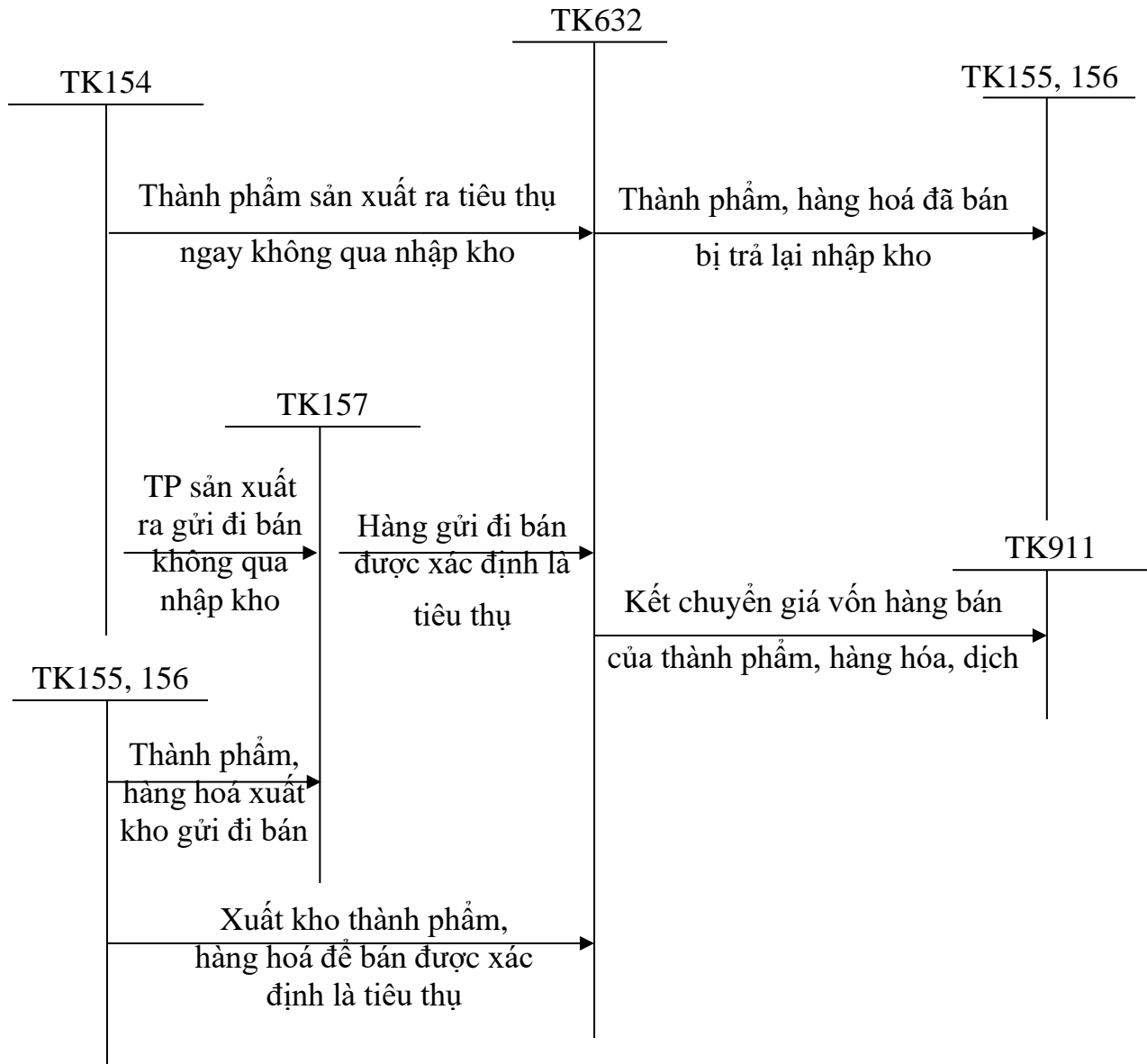
*** Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Nợ

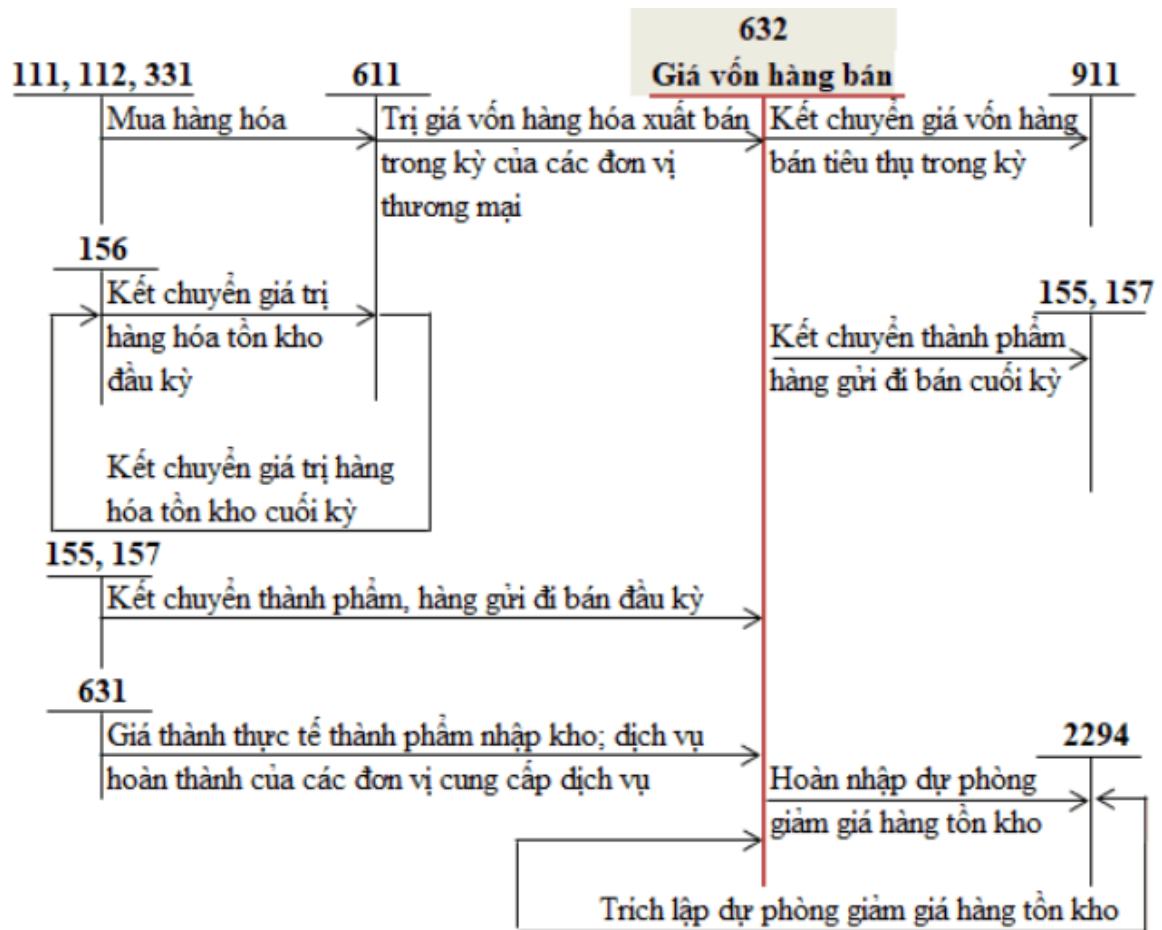
Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ **1.4** và **sơ đồ 1.5** như sau:



Sơ đồ 1.4 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5- Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có (giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

▪ Tài khoản 515– Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản 515

➤ Bên Nợ

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài Khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

❖ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

▪ Tài khoản 635– Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

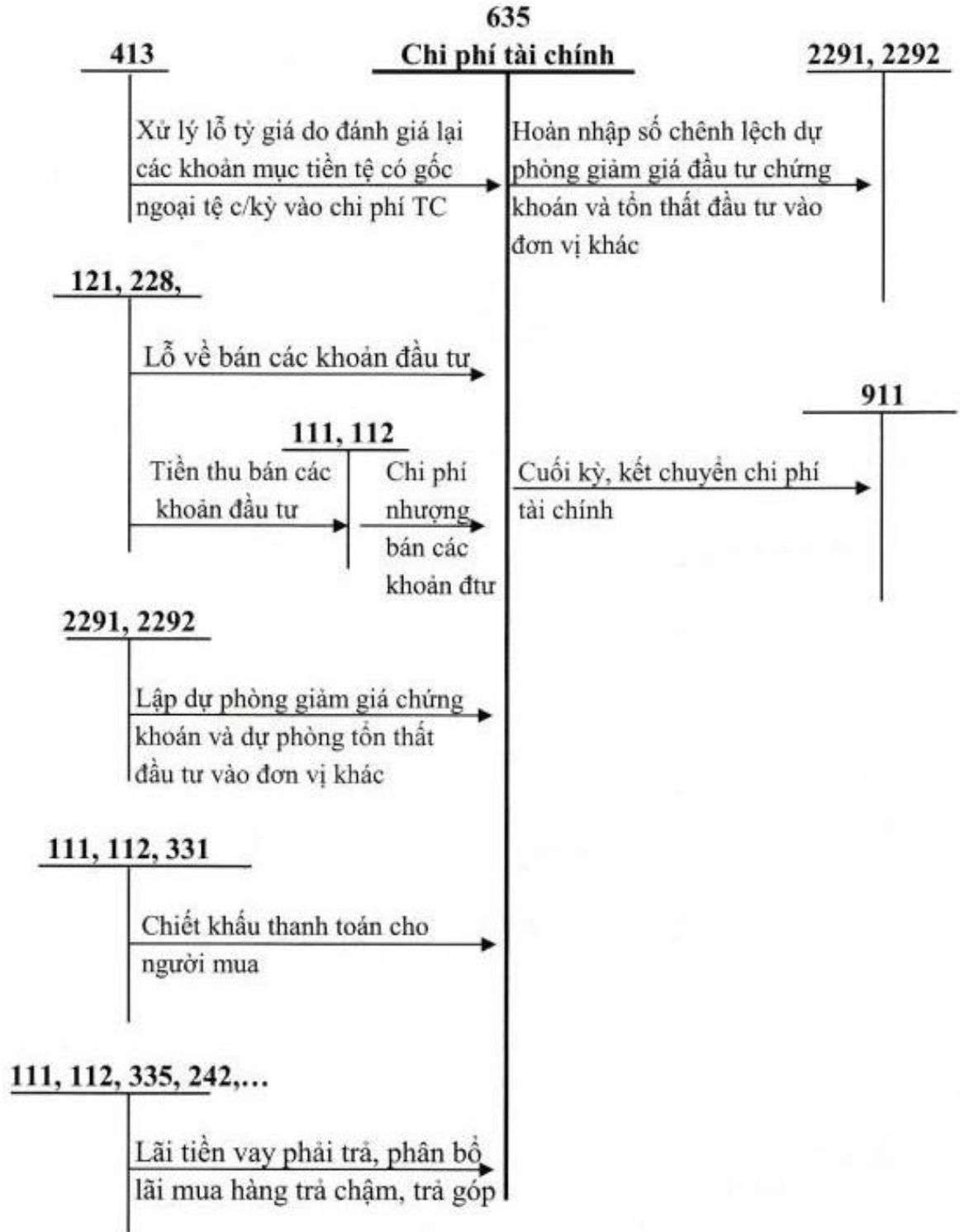
- **Kết cấu tài khoản 635**

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.6** như sau:



Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1.Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo Nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2.Tài khoản sử dụng

▪ **Tài khoản 642– Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

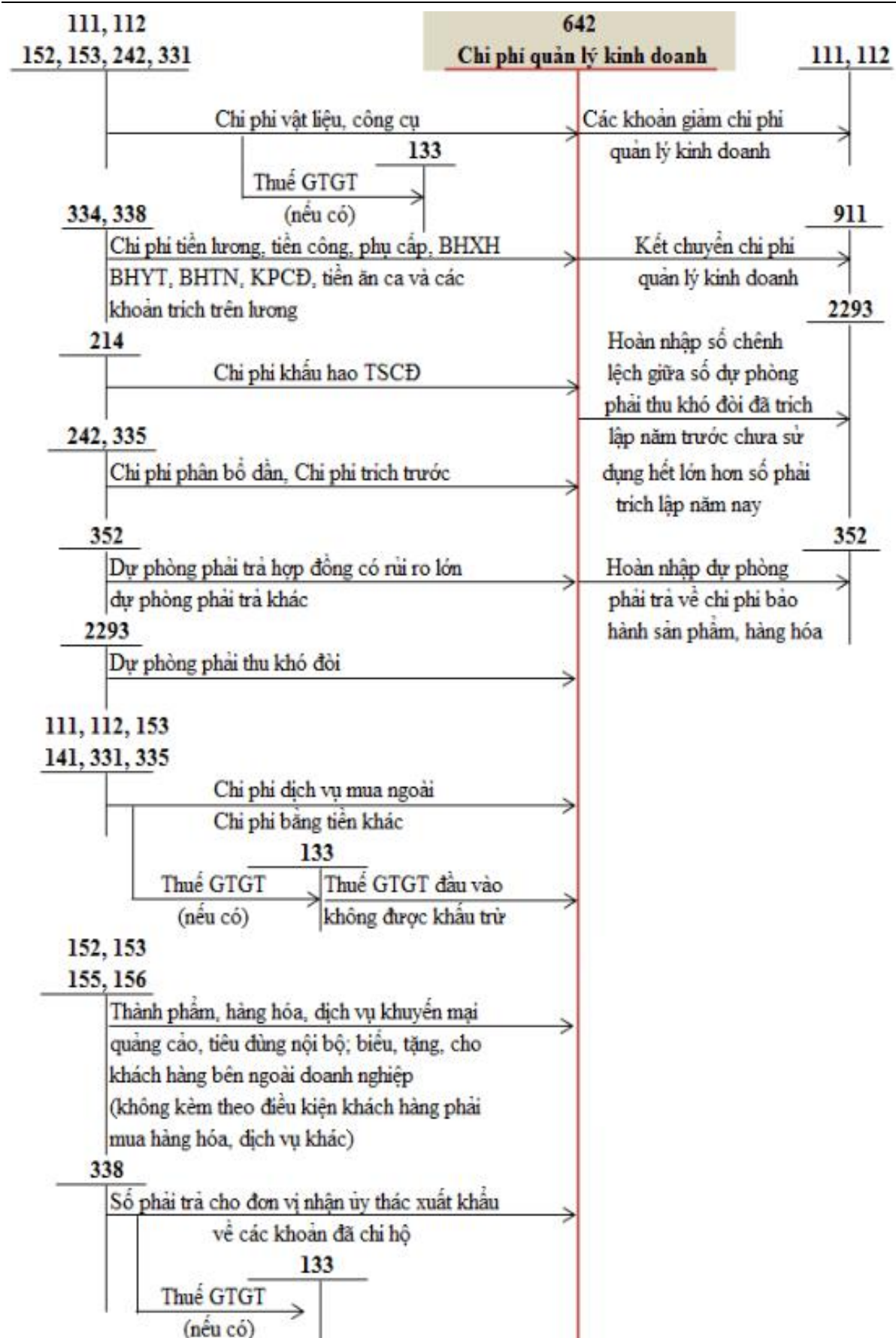
- **Kết cấu tài khoản 642**

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải trả lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.

1.2.4.3.Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Kết cấu tài khoản 711**

- **Bên Nợ**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- **Bên Có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

- ❖ **Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**

- **Tài khoản 811 - Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

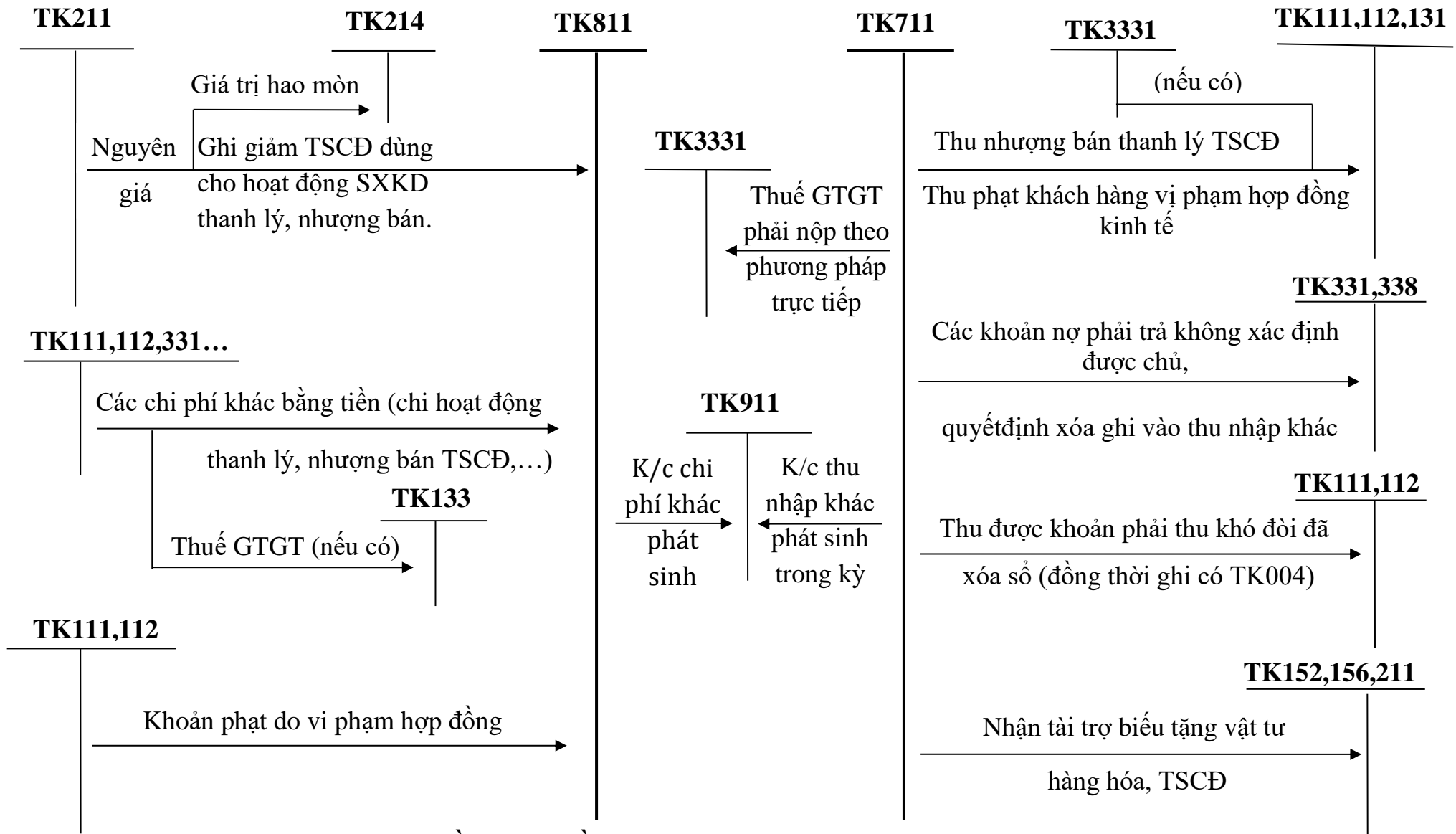
- **Kết cấu tài khoản 811:**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
∑ Số phát sinh Nợ		∑ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.8 như sau:



Sơ đồ 1.8 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

- **Kết cấu tài khoản 911**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán • Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác • Chi phí quản lý kinh doanh • Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ • Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp • Kết chuyển lỗ
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

- **Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải đảm bảo rõ ràng, rành mạch và theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Phải hạch toán chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

Khi áp dụng hội tở do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở các sai sót trọng yếu của các năm trước nhưng năm nay mới phát hiện dẫn đến phải điều chỉnh số dư đầu năm phần lợi nhuận chưa phân phối thì kế toán phải điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước” trên sổ kế toán và điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Đối với tất cả các doanh nghiệp, khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp, như:

- Khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính;
- Các khoản mục phi tiền tệ khác...

- Kết cấu Tài khoản 421

➤ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

➤ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;

- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

▪ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- **Kết cấu Tài khoản 821**

➤ **Bên Nợ:**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

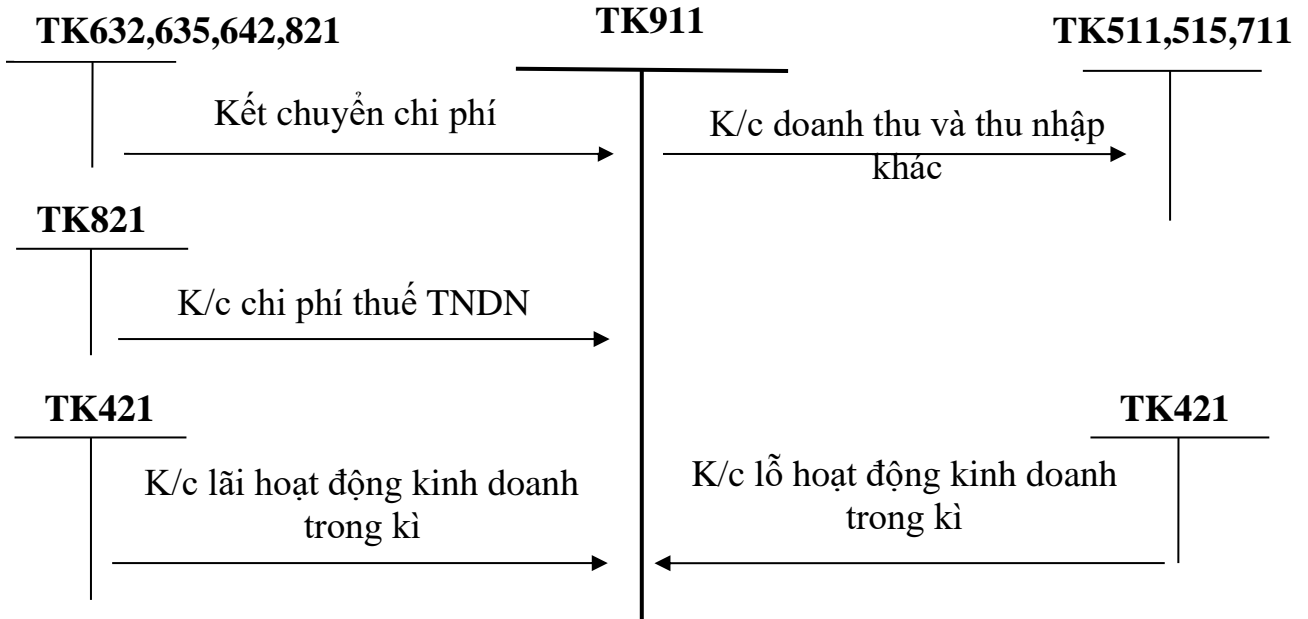
➤ **Bên Có:**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ *Tài khoản 821 – không có số dư cuối kỳ.*

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.9 như sau:



Sơ đồ 1.9 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ Nhật ký, Sổ Cái. Sổ kế toán chi tiết: Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Các hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi Sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

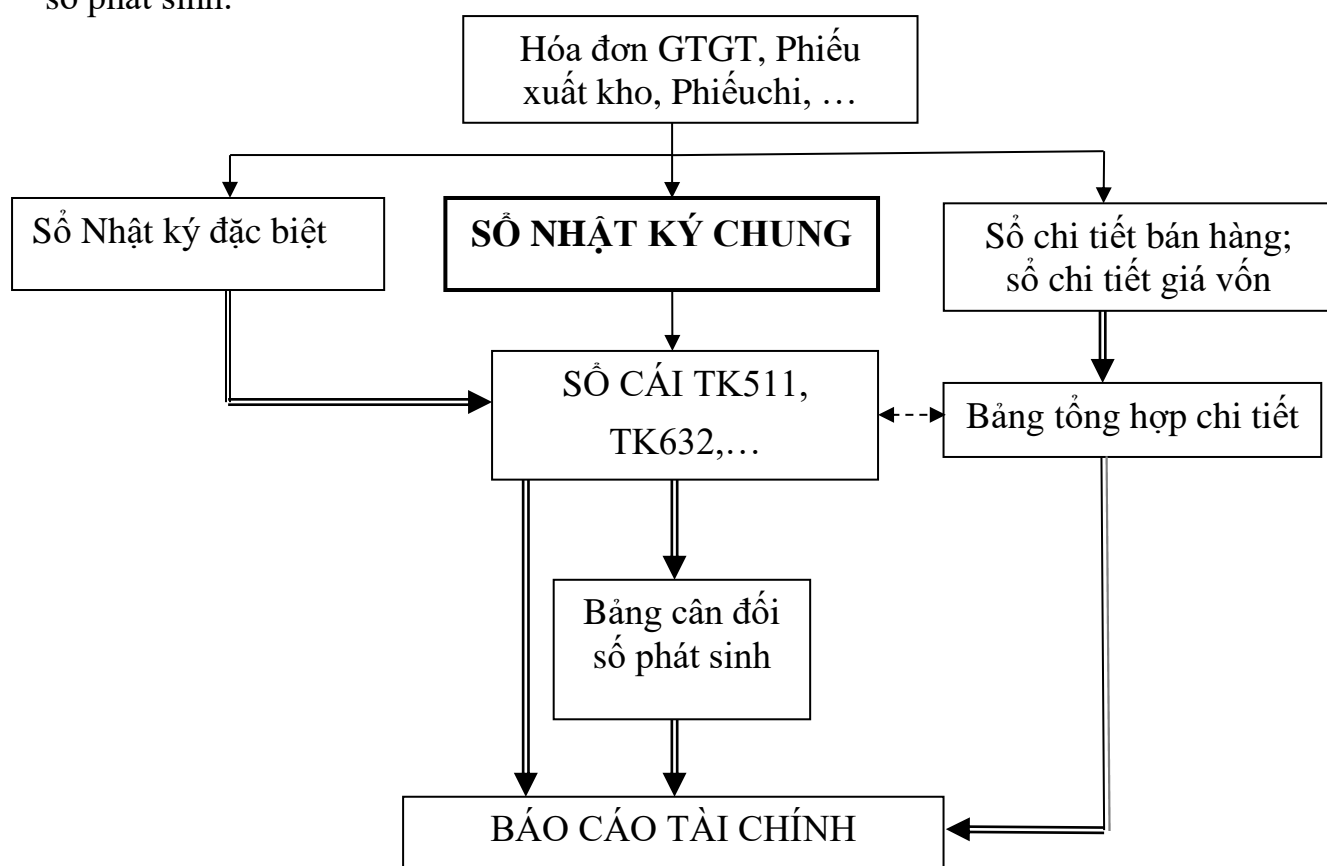
Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:
 - Nhật ký chung; sổ Nhật ký đặc biệt
 - Sổ Cái;
 - Sổ, thẻ chi tiết;

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



Sơ đồ 1.8 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất

là Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán, bảng tổng hợp kế toán cùng loại;

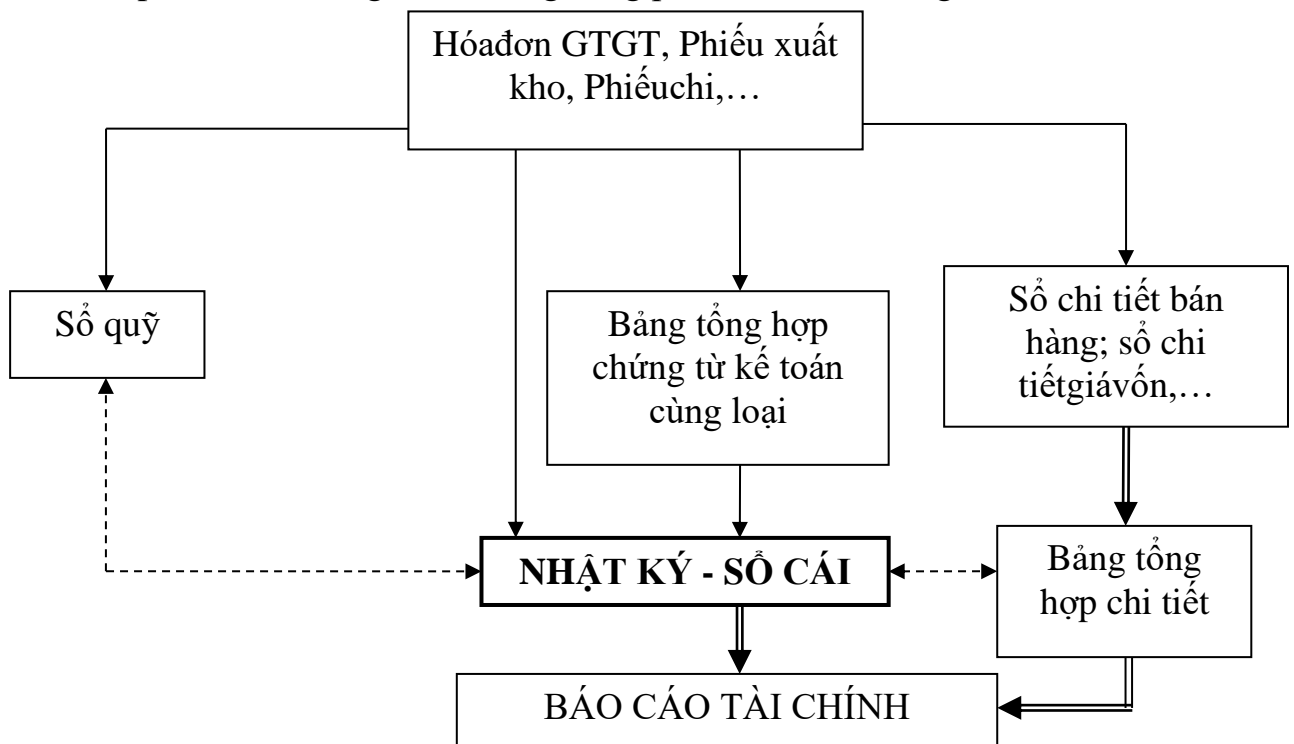
Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



Sơ đồ 1.9 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

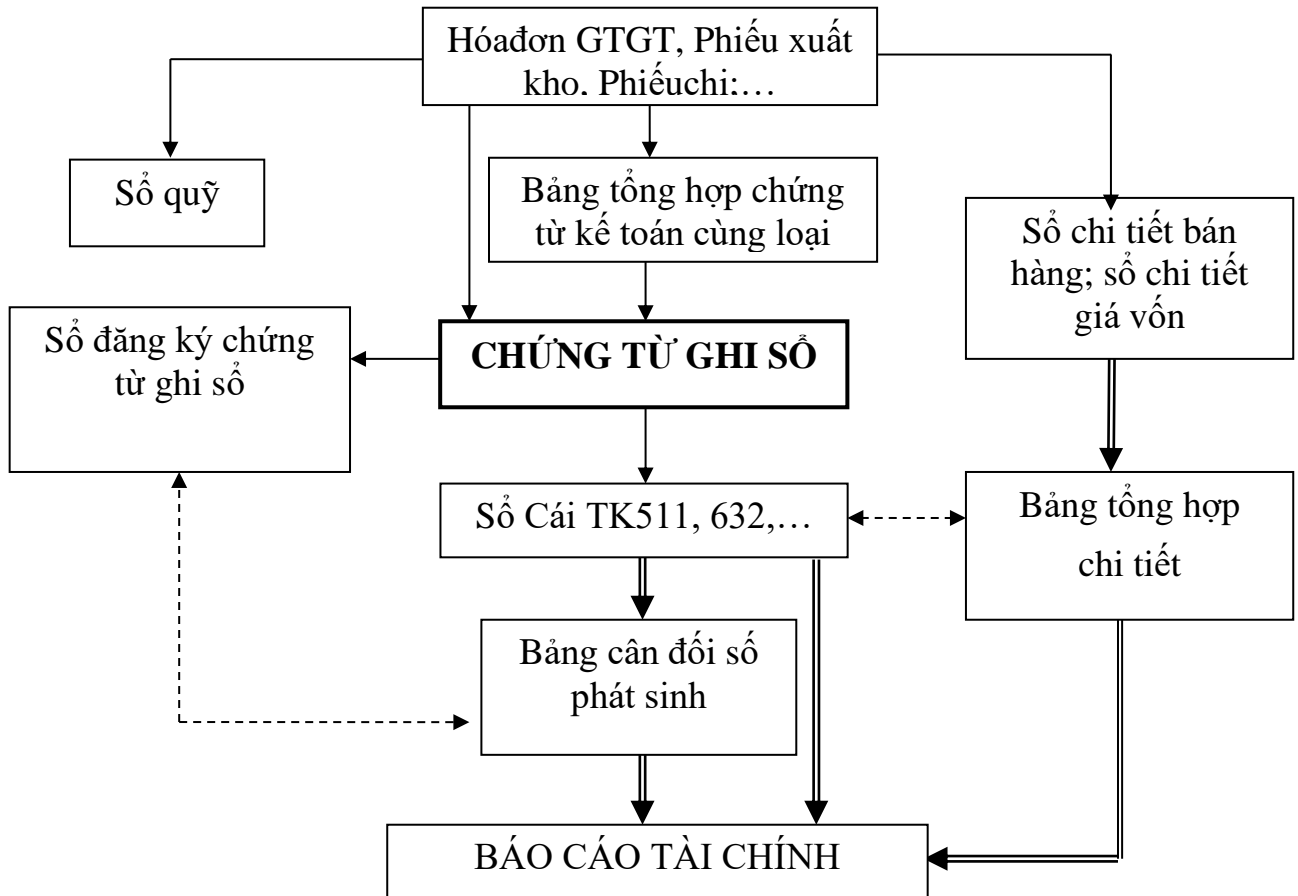
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:
 - + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - + Ghi theo nội dung trên Sổ cái
 - + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
 - + Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.



Sơ đồ 1.10 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <----->

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

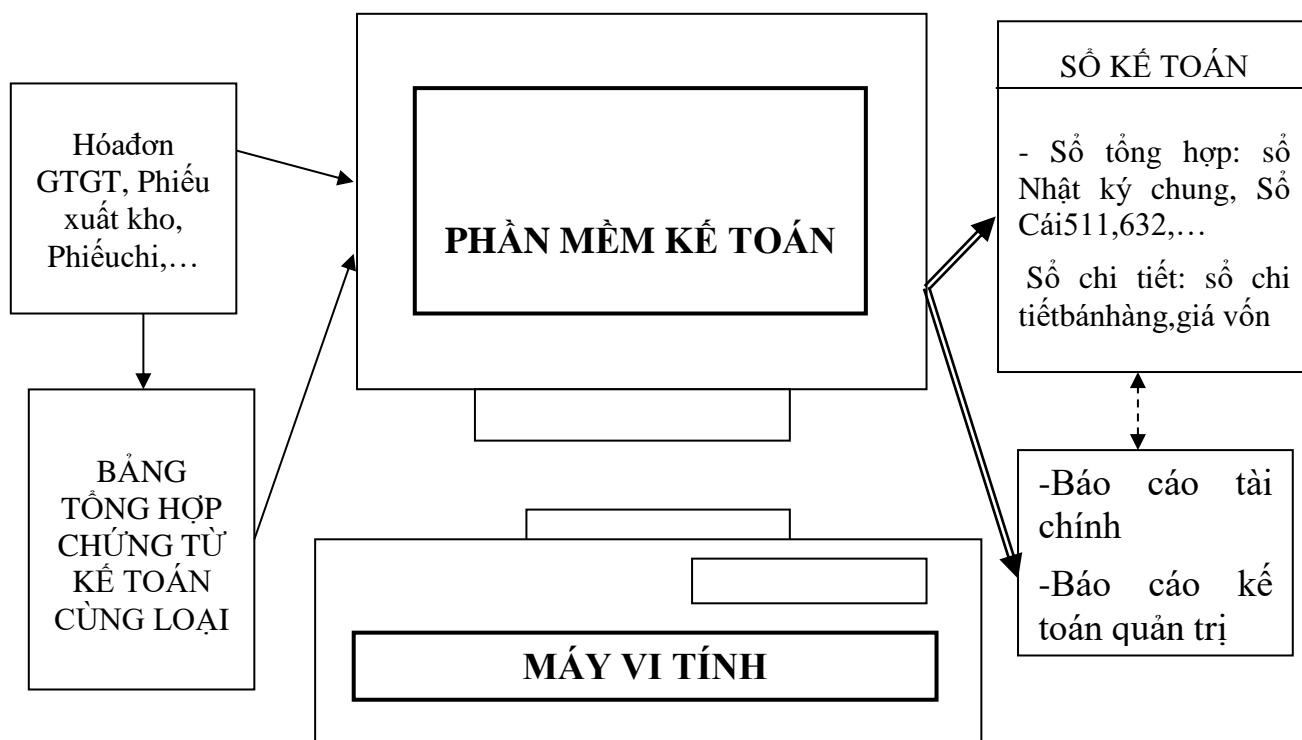
1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Nam Thiên

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên công ty (bằng tiếng Việt): CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
- Tên công ty (bằng tiếng nước ngoài): NAM THIEN TRADING COMPANY LIMITED
- Tên công ty viết tắt: NAM THIEN TRACO.,LTD
- Địa chỉ : Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng
- Điện thoại: 02253.4810286
- MST: 0200603894
- Email: namthien73@gmail.com
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Kinh doanh đồ điện tử, điện lạnh, bán buôn sắt thép, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước...
 - + Đại lí, mua bán, ký gửi hàng hóa.
 - + Công ty TNHH Nam Thiên được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ ngày 28/1/2004.

Công ty TNHH Nam Thiên là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập dưới sự kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lí Nhà nước thành phố Hải Phòng.

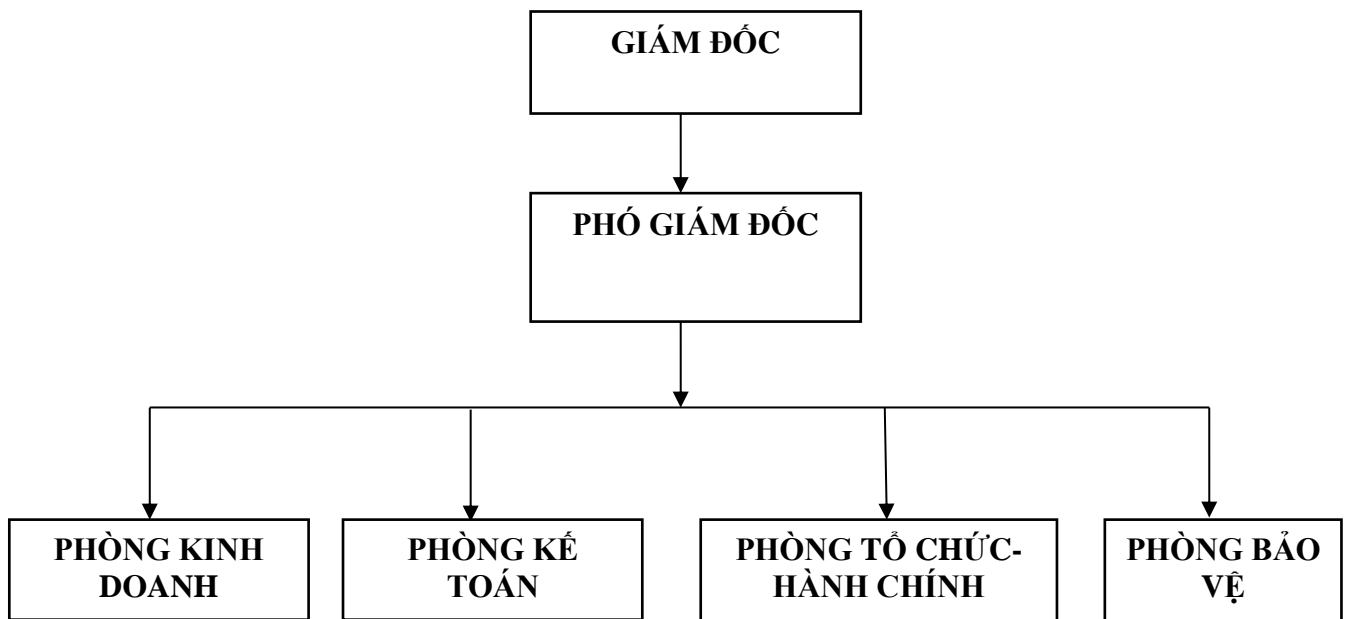
Công ty được thành lập theo nguyên tắc dân chủ công khai, thống nhất nhằm mục đích phát triển kinh doanh giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động đảm bảo nộp đầy đủ nghĩa vụ cho Ngân sách nhà nước, tạo quỹ cho công ty nhằm mở rộng và phát triển kinh doanh.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Nam Thiện

Bộ máy quản lý tại công ty tổ chức theo mô hình trực tuyến tham mưu, với cơ cấu này các phòng ban có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc.

Theo mô hình này thì Giám đốc là người đứng đầu, giúp việc cho giám đốc gồm phó giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Nam Thiện được khái quát bằng sơ đồ 2.1



Sơ đồ 2.1- Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

Giám đốc:

là đại diện pháp nhân của công ty, là người chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định hiện hành. Giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh có quyền quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của công ty theo nguyên tắc gọn nhẹ đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Giám đốc đóng vai trò quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của công ty.

Phó giám đốc:

là người chịu trách nhiệm cùng giám đốc quản lý công ty và là người chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, nắm bắt các nguồn hàng, rồi từ đó tham mưu cho giám đốc xây dựng các phương án kinh doanh, và thay

giám đốc tham gia ký kết các hợp đồng mua bán để đảm bảo cho việc kinh doanh của công ty đạt hiệu quả ngày càng cao.

➤ *Nhiệm vụ các phòng ban*

Phòng kinh doanh:

Tiếp thị, giao dịch với khách hàng, giới thiệu sản phẩm của Công ty, tham gia dự kiến kế hoạch kinh doanh, phân tích đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh trên thị trường. Khai thác, khảo sát tìm kiếm thị trường, cung cấp các thông tin về khách hàng, phân tích hoạt động kinh tế, khả năng nhu cầu mua sắm sản phẩm của khách hàng, phản ánh và đề xuất kịp thời các vướng mắc trong việc tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến kế hoạch kinh doanh. Chịu sự quản lý trực tiếp của lãnh đạo Công ty.

Phòng kế toán: Phòng kế toán có chức năng tham mưu cho giám đốc về mặt thống kê tài chính, chịu trách nhiệm quản lý tài sản, vật chất, hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước. Hàng kì phải lập các bảng quyết toán công khai toàn bộ tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ. Đề xuất lên giám đốc phương án tổ chức kế toán đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính để kịp thời điều chỉnh quá trình kinh doanh trong công ty. Ngoài ra còn có nhiệm vụ khai thác nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Phòng tổ chức – hành chính:

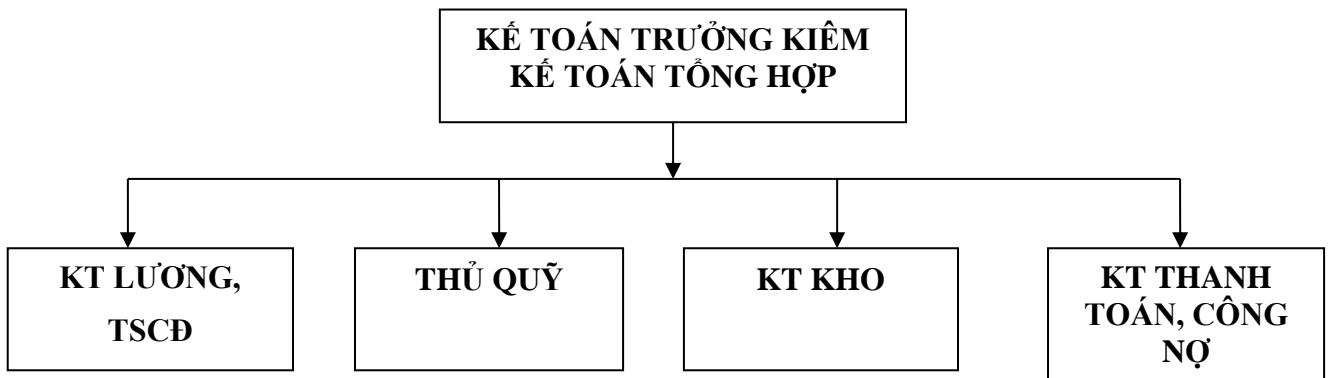
làm chức năng văn phòng và tổ chức lao động tiền lương, có nhiệm vụ quản lý hồ sơ, quản lý quỹ tiền lương, tổ chức thực hiện chính sách đối với người lao động, tiếp nhận, sắp xếp cán bộ công nhân viên trong công ty cho phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ kinh doanh. Theo dõi công tác kỷ luật khen thưởng trong công ty.

Phòng bảo vệ:

Nhiệm vụ bảo vệ mọi tài sản thuộc phạm vi quản lý của công ty. Kiểm tra hàng hóa vật tư xuất ra, mua vào có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định hay không.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Nam Thiện

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán:



Sơ đồ 2.2 - Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

✓ **Kế toán trưởng:** Là người phụ trách công tác kế toán cho công ty, tham mưu cho giám đốc, đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả. Bên cạnh đó, kế toán trưởng phải theo dõi các nghĩa vụ với nhà nước và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu kế toán của công ty.

✓ **Kế toán lương, TSCĐ:** Phụ trách công việc tính lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty, trích các khoản theo quy định đối với từng cán bộ công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản.

✓ **Thủ quỹ:** có nhiệm vụ là người quản lý quỹ tiền mặt của công ty, thu chi tiền mặt phải có chứng từ, cuối ngày lập báo cáo quỹ.

✓ **Kế toán kho:** có nhiệm vụ phụ trách kế toán hàng tồn kho, theo dõi sự biến động về hàng tồn kho, lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho về số lượng cũng như giá trị của từng loại...

✓ **Kế toán thanh toán, kế toán công nợ:** viết phiếu thu - chi hàng ngày và cuối ngày đối chiếu với thủ quỹ, kiểm kê quỹ và chuyển giao chứng từ cho kế toán trưởng. Thanh toán, theo dõi công nợ, đơn đốc thu hồi nợ, tham gia lập báo cáo quyết toán và các báo cáo kế toán định kỳ;

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Nam Thiện

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn

Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Tính giá vốn hàng xuất kho: Bình quân gia quyền liên hoàn

- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán *Sổ Nhật ký chung*

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

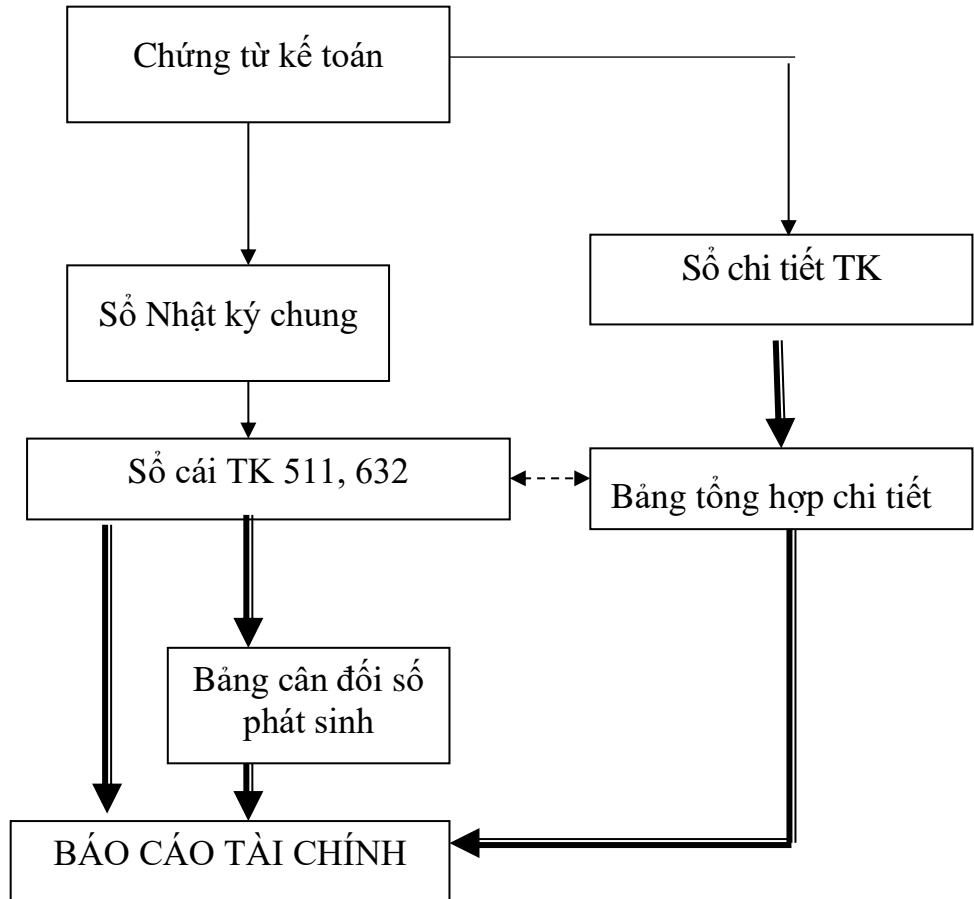
- Sổ chi tiết các tài khoản.

- Sổ quỹ.

- Sổ cái.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- + Báo cáo tổng hợp tài chính (B01-DNN)
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DNN)
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DNN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DNN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại Công ty

Hiện nay Công ty TNHH Nam Thiện chuyên phân phối, kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh như: tivi, điều hòa, máy giặt, tủ lạnh,... của các hãng Panasonic, LG, Sony, Toshiba, Daikin... Vì vậy, doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu bán các loại hàng hóa.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, tivi, tủ lạnh... đã không còn là mặt hàng xa xỉ như trước mà đã trở thành nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, do là mặt hàng thiết yếu, số lượng người tiêu dùng lớn nên có nhiều các công ty, các siêu thị điện máy cạnh tranh gay gắt dẫn đến thu hẹp thị phần.

➤ Phương thức bán hàng:

Hiện nay công ty tiến hành bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp mà chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Theo phương thức bán hàng này, công tác bán hàng ở công ty được thực hiện dưới các hình thức sau:

- *Bán buôn*: là hình thức bán chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này công ty ký hợp đồng bán hàng với các khách hàng, căn cứ vào hợp đồng công ty xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

- *Bán lẻ* : Khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng. Kế toán lập hóa đơn GTGT, phiếu thu và đồng thời ghi nhận doanh thu. Hàng hoá bán lẻ chủ yếu phục vụ trực tiếp người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

➤ Các phương thức thanh toán

- *Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt* : áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- *Thanh toán chậm* : Phương thức này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- *Thanh toán qua ngân hàng*: Phương thức này được chuyển từ tài khoản

người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng.

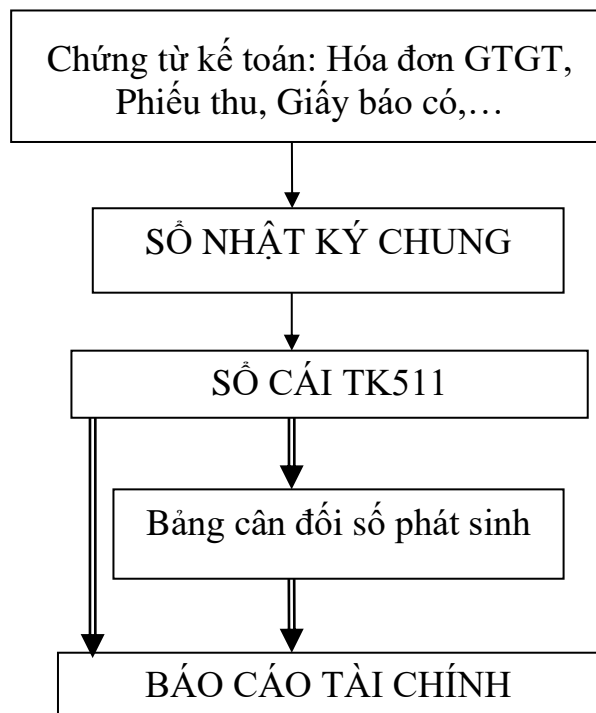
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các tài khoản liên quan khác như : TK 3331, TK 156, TK 911

2.2.1.4. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇨

Sơ đồ 2.4 - Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Nam Thiên

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 3/1/2018 Công ty bán cho công ty Cổ phần Minh Tuấn 02 chiếc lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV với đơn giá 10.500.000đ/chiếc (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản:	Nợ TK 112:	23.100.000
	Có TK 511:	21.000.000
	Có TK 3331:	2.100.000

Kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000612 và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng, công ty Cổ phần Minh Tuấn chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 3/1/2018 của ngân hàng TM Á Châu – chi nhánh 150 Tô Hiệu, Quận Lê Chân, Hải Phòng thông báo về số tiền đã nhận được. Từ HĐGTGT số 0000612 kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511.

Ví dụ 2: Ngày 16/1/2018 Công ty bán cho ông Nguyễn Hoàng Anh tivi LED Sony KDL-43W660F 43inch với đơn giá 9.900.000đ/chiếc, chưa có VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:	
Nợ TK 111:	10.890.000
Có TK 511:	9.900.000
Có TK 3331:	990.000

Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 31/1, HĐGTGT 0000622 và giao liên 2 này cho khách hàng, ông Nguyễn Hoàng Anh trả tiền hàng bằng tiền mặt. Từ HĐGTGT 0000622, PT31/1 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ Cái TK 511

Biểu số 2.1 - Hóa đơn GTGT 0000612

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT 3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/18P			
<i>(Liên 3: Nội bộ)</i>		Số: 0000612			
Ngày 3 tháng 1 năm 2018					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH NAM THIÊN					
MST: 0200603894					
Địa chỉ: Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP					
Điện thoại: 0334810286					
Số tài khoản: 1001737519		Tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)			
Họ và tên người mua hàng: Nghiêm Mạnh Hiếu					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Minh Tuấn					
MST: 0201065148					
Địa chỉ: 246 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 0450101000856					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tủ lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV	chiếc	2	10.500.000	21.000.000
Cộng tiền hàng:					21.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.100.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					23.100.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi ba triệu một trăm ngàn đồng.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

NGÂN HÀNG NN&PT Nông thôn Việt Nam

Chi nhánh: Thị trấn Tiên Lãng, H.Tiên Lãng, TP.Hải Phòng



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 3 tháng 1 năm 2018

Mã GDV:

Mã KH: 44870

Số GD: **03/01**

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH NAM THIÊN**

MST: 0200603894

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số TK ghi CÓ: **1001137519**

Số tiền bằng số: **23.100.000 đ**

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu một trăm ngàn đồng /.

Nội dung: Công ty Cổ phần Minh Tuấn trả tiền hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.3 - Phiếu thu số 31/1

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 16 tháng 1 năm 2018

Số phiếu: 31/01

Nợ TK 111: 10.890.000
Có TK 511 : 9.900.000
Có TK 3331 : 990.000

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Hoàng Anh

Địa chỉ: 246 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Lý do nộp: Mua tivi LED SonyKDL-43W660F, HĐGTGT 0000622 ngày 16/1/2018

Số tiền: 10.890.000 Viết bằng chữ: *Mười triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Mười triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.*

Ngày 16 tháng 1 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4 – HĐGTGT 0000622

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT 3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/18P			
(Liên 3: Nội bộ)		Số: 0000622			
Ngày 16 tháng 1 năm 2018					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH NAM THIÊN					
MST: 0200603894					
Địa chỉ: Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP					
Điện thoại: 0334810286					
Số tài khoản: 1001737519		Tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)			
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Hoàng Anh					
Tên đơn vị:		MST:			
Địa chỉ: 246 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tivi LED SonyKDL-43W660F 43inch	chiếc	1	9.900.000	9.900.000
Cộng tiền hàng:					9.900.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		990.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					10.890.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.5 - Sổ nhật ký chung (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
3/1	PX05/1	3/1	Xuất kho bán Tủ lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV	632 156	19.050.000	19.050.000
3/1	GBC03/1 HĐ0000612	3/1	Bán tủ lạnh Tủ lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV cho công ty CP Minh Tuấn thu bằng CK	112 511 3331	23.100.000	21.000.000 2.100.000
4/1	HĐGTGT 0000538	4/1	Mua hàng của công ty TNHH Thương mại Hồng Phát chưa trả tiền	156 1331 331	310.000.000 31.000.000	341.000.000
					
16/1	PX16/1	16/1	Xuất bán tivi LED SonyKDL-43W660F 43 inch cho ông Anh thu bằng TM	632 156	8.828.571	8.828.571
16/1	PT31/1 HĐ0000622	16/1	Bán tivi LED SonyKDL- 43W660F32 inch cho ông Nguyễn Hoàng Anh -thu bằng TM	111 511 3331	10.890.000	9.900.000 990.000
					
			Cộng SPS		89.170.181.667	89.170.181.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6 - Sổ cái TK 511 (Trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
2/1	GBC02/1	2/1	1 Bán máy giặt Samsung Addwash W24M960K cho chị Ngọc thu bằng chuyển khoản.	112		26.900.000
3/1	GBC03/1 HD0000612	3/1	Bán Tủ lạnh PANASONIC 255L cho công ty cổ phần Minh Tuấn thu bằng CK	112		21.000.000
					
15/1	HĐGTGT 0000619	15/1	Bán hàng cho công ty TNHH Tùng Mai chưa thu tiền	131		45.000.000
16/1	PT 31/1 HD0000622	16/1	Bán tivi LED Sony 43 inch cho ông Nguyễn Hoàng Anh - thu bằng tiền mặt	111		9.900.000
					
31/12	PKT 27/12	31/12	Kết chuyển DT BH và CCDV	911	8.572.196.556	
			Cộng SPS		8.572.196.556	8.572.196.556
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Nam Thiện

2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch.

Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho luôn được thay đổi dựa trên sự thay đổi của đơn giá nhập kho của hàng tồn kho. Tức là sau mỗi lần mua hàng tồn kho về doanh nghiệp kế toán phải thực hiện tính lại đơn giá hàng nhập kho dựa trên giá trị và số lượng hàng tồn kho đang có tại doanh nghiệp.

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

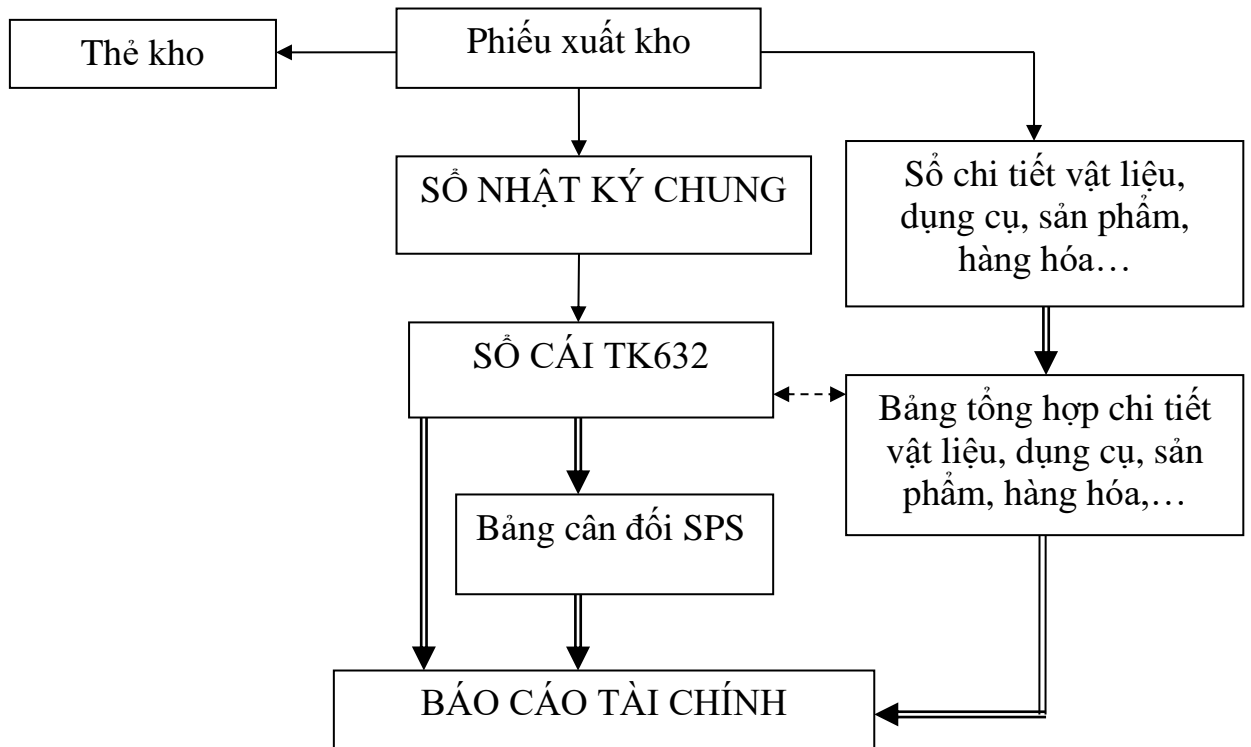
$$\text{Đơn giá xuất kho của HTK} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ kế toán sử dụng :
 - Phiếu xuất kho;
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản kế toán sử dụng:
 - TK 632 - Giá vốn hàng bán.
 - TK 156 - Hàng hóa.

2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Nam Thiện

Quy trình kế toán giá vốn của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.5



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <----->

Sơ đồ 2.5 - Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại

Công Ty TNHH Nam Thiện

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632.

Cuối quý, năm kế toán tập hợp các số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập Báo cáo tài chính.

✓ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 3 (minh họa tiếp ví dụ 1)

Ngày 3/1/2018 Công ty bán cho công ty Cổ phần Minh Tuấn tủ lạnh Panasonic 255L NR-BV288GKV với đơn giá 10.500.000đ/chiếc, VAT 10%, đã thu bằng chuyển khoản.

Công ty tính trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn như sau:

Tồn đầu tháng 1/2018 mặt hàng tủ lạnh Panasonic 255L của công ty là 2 chiếc, đơn giá: 9.000.000đ/chiếc, thành tiền: $9.000.000 \times 2 = 18.000.000đ$.

Ngày 1/1, công ty xuất kho bán cho chị Hương 1 chiếc:

Trị giá xuất ngày 1/1 = $9.000.000 \times 1 = 9.000.000đ$.

Ngày 2/1, mua 7 chiếc tủ lạnh Panasonic 255L của công ty Thành Đạt, đơn giá: 9.600.000đ/chiếc, VAT 10%, chưa thanh toán

Ngày 3/1, Công ty bán cho công ty Cổ phần Minh Tuấn 2 chiếc với đơn giá xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{9.000.000 + 9.600.000 \times 7}{8} = 9.525.000 \text{ đ}$$

Trị giá xuất kho ngày 3/1 = $9.525.000 \times 2 = 19.050.000 \text{ đ}$.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 19.050.000

Có TK 156: 19.050.000

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 05/1, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632.

Ví dụ 4 (minh họa tiếp ví dụ 2)

Ngày 16/1/2018 Công ty bán cho ông Hoàng Anh 1 tivi LED SonyKDL-43W660F 43 inch với đơn giá 9.900.000đ, VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Đơn giá xuất kho mặt hàng tivi LED SonyKDL-43W660F43 inch được tính như sau:

Tồn đầu tháng 1/2018 là 2 chiếc , đơn giá: 8.800.000đ/chiếc.

Ngày 5/1, Công ty mua của Công ty TNHH Hồng Phát 6 chiếc tivi LED SonyKDL-43W660F43 inch, đơn giá 8.600.000đ/chiếc, VAT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Ngày 7/1, xuất bán cho anh Vinh 1 chiếc, thu bằng tiền mặt.

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{8.800.000 \times 2 + 8.600.000 \times 6}{8} = 8.650.000 \text{đ/cái}$$

$$\text{Trị giá xuất ngày 7/1} = 8.650.000 \times 1 = 8.650.000 \text{ đ.}$$

Ngày 13/1, nhập kho 10 chiếc tivi LED Sony 43 inch mua của Công ty TNHH Hoa Huệ, đơn giá: 8.900.000đ/chiếc, VAT 10%, chưa thanh toán.

Ngày 16/1, Công ty xuất bán cho ông Chính - 1 chiếc tivi LED Sony KDL-43W660F 32 inch, thu bằng tiền mặt.

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{8.650.000 \times 7 + 8.900.000 \times 10}{17} = 8.797.059 \text{đ}$$

$$\text{Trị giá xuất ngày 16/1} = 8.797.059 \times 1 = 8.797.059 \text{đ}$$

Kế toán định khoản bút toán giá vốn như sau:

Nợ TK 632 : 8.797.059

Có TK 156 : 8.797.059

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 29/1, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung .Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632

Biểu số 2.7 - Phiếu xuất kho số 05/1

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 3 tháng 1 năm 2018

Nợ TK 632

Số: PX05/1

Có TK 156

Họ và tên người nhận: Lê Hồng Quang

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Theo HĐGTGT số 0000612 ngày 3 tháng 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Minh Tuấn

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm: Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, Hải Phòng.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tủ lạnh PANASONIC 255L NR- BV288GKV		chiếc	2	2	9.525.000	19.050.000
	Cộng						19.050.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng ./.

- Chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT 0000612

Ngày 3 tháng 1 năm 2018

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2.8 - Phiếu xuất kho số 29/1

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC)

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 1 năm 2018

Nợ TK 632

Số: PX29/1

Có TK 156

Họ và tên người nhận: Lê Hồng Quang

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Theo HĐGTGT số 0000622 ngày 16 tháng 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Minh Tuấn

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm: Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

STT	Tên, nhân hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tivi LED SonyKDL-43W660F 43 inch		chiếc	1	1	8.797.059	8.797.059
	Cộng						8.797.059

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Tám triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn không trăm năm chín đồng.

Chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT 0000622

Ngày 16 tháng 1 năm 2018

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2.9 - Sổ nhật ký chung (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài
chính)

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
3/1	PX05/1	3/1	Xuất kho bán Tủ lạnh PANASONIC 255L NR- BV288GKV	632 156	19.050.000	19.050.000
3/1	GBC03/1 HĐ0000612	3/1	Bán Tủ lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV cho công ty CP Minh Tuấn thu bằng CK	112 511 3331	23.100.000	21.000.000 2.100.000
4/1	HĐGTGT 0000538	4/1	Mua hàng của công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát chưa trả tiền	156 1331 331	310.000.000 31.000.000	341.000.000
					
16/1	PX29/1	16/1	Xuất kho bán tivi LED SonyKDL- 43W660F 43 inch	632 156	8.797.059	8.797.059
16/1	PT31/1 HĐ0000622	16/1	Bán tivi LED KDL- 43W660F 32 inch cho ông Hoàng Anh thu bằng tiền mặt	111 511 3331	10.890.000	9.900.000 990.000
					
			Cộng SPS		89.170.181.667	89.170.181.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.10 - Sổ Cái TK 632 (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
1/1	PX01/1	1/1	Xuất kho bán tủ lạnh Panasonic 301L H326RB (SS) cho chị Hương	156	9.000.000	
					
3/1	PX05/1	3/1	Xuất kho bán tủ lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV cho công ty Cổ phần Minh Tuấn	156	19.050.000	
					
12/1	PX 19/1	12/1	Bán máy lạnh Daikin 2.5 HP FTKC60TVMV cho công ty Hướng Dương thu bằng CK	156	28.600.000	
					
16/1	PX29/1	16/1	Xuất bán ti vi LED SonyKDL-43W660F 32 inch cho ông Anh	156	8.797.059	
					
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		6.531.866.997
			Cộng SPS		6.531.866.997	6.531.866.997
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh

Tại Công ty TNHH Nam Thiện, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- + Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí về đồ dùng văn phòng, các khoản chi phí khác,...

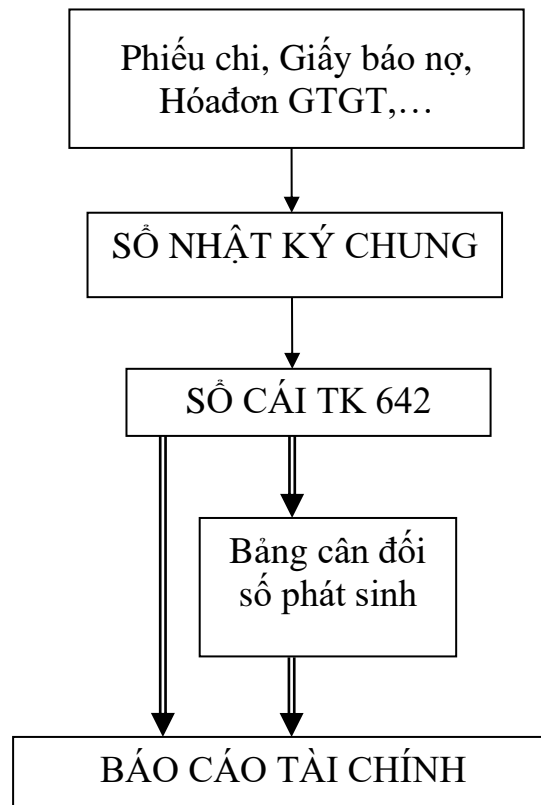
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131,...

2.2.3.4. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Sơ đồ 2.6 - Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại

Công ty TNHH Nam Thiên

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 5: Ngày 8/1/2018 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại của bộ phận bán hàng với số tiền 952.416 đồng (đã có VAT 10%).

Kế toán hạch toán: Nợ TK 6421 : 865.833

Nợ TK 133 : 86.583

Có TK 111: 952.416

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông và các chứng từ có liên quan kế toán lập Phiếu chi. Kế toán vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái.

Biểu 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**

Mã số: 01GTKT-2LN-03

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE

Ký hiệu: AC/2018T

(VAT)

Số : 294559

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế: 0200287977 – 022

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

MST: 0201066875

Địa chỉ (Address): Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Số điện thoại (Tel): 0334810286 Mã số (code): HPG-10-001291

Hình thức thanh toán: TM/CK

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)
	KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2017				
	1.Cước DV viễn thông				865.833
	2.Cước dịch vụ Viễn thông không thuế				0
	3.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	4.Khuyến mãi				0
	5.Trừ đặt cọc + trích + thưởng + nợ				0
(1+2+3+4) Cộng tiền dịch vụ (Total) (A):					865.833
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% × (1) = VAT amount) (B):					86.583
(A+B+5) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (A+B)					952.416

Số tiền viết bằng chữ (In words): *Chín trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm mười sáu đồng./*

Ngày 08 tháng 1 năm 2018

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

(Signature of payer)

(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.12 - Phiếu chi số 5/1

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số 02-TT

Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 8 tháng 1 năm 2018

Số phiếu: 08/01

Nợ TK 6421: 865.833

Nợ TK 133 : 86.583

Có TK 111 : 952.416

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Tuyết Mai

Địa chỉ : Xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, Hải Phòng.

Lý do chi: Chi tiền thanh toán cước điện thoại tháng 12/2017.

Số tiền: 952.416đ.

Viết bằng chữ: *Chín trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm mười sáu đồng./*

Kèm theo 01 Chứng từ gốc;

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Chín trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm mười sáu đồng./*

Ngày 8 tháng 1 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.13 - Sổ nhật ký chung (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
3/1	PX05/1	3/1	Xuất kho bán tủ lạnh cho công ty CP Minh Tuấn	632 156	19.050.000	19.050.000
3/1	GBC 03/1	3/1	Bán Tủ lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV cho công ty CP Minh Tuấn thu bằng CK	112 511 3331	23.100.000	21.000.000 2.100.000
					
8/1	PC 08/1	8/1	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6421 133 111	865.833 86.583	952.416
					
26/1	PC 20/1	26/1	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	100.000.000	100.000.000
27/1	PC21/1	27/1	Chi tiền mua VPP	6422 133 111	1.800.000 180.000	1.980.000
					
			Cộng SPS		89.170.181.667	89.170.181.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14 - Sổ Cái TK 642 (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
8/1	PC08/1	8/1	Thanh toán dịch vụ viễn thông	111	865.833	
					
27/1	PC21/1	27/1	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.800.000	
28/1	PC22/1	28/1	Chi tiền tiếp thị, quảng cáo	111	2.000.000	
					
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		1.868.119.300
			Cộng SPS		1.868.119.300	1.868.119.300
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Nam Thiện bao gồm các khoản lãi như: lãi tiền gửi ngân hàng.
- Trong năm 2018, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

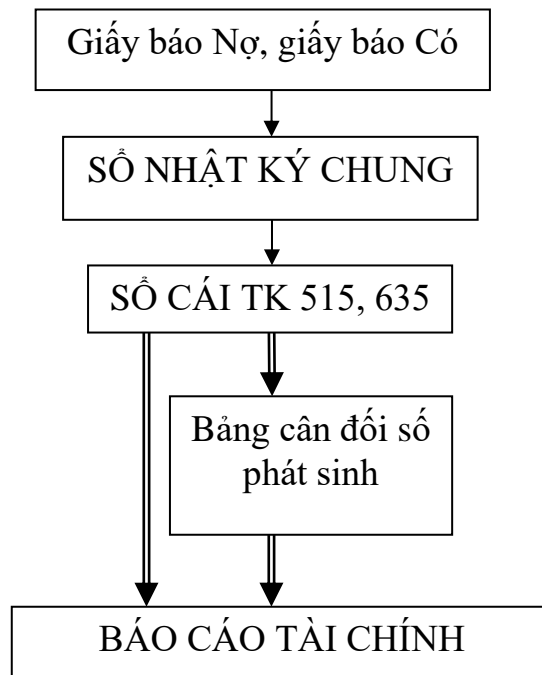
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có
- Phiếu trả lãi tài khoản

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Các tài khoản khác có liên quan như: TK112,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————>

Sơ đồ 2.7 - Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty TNHH

Nam Thiện

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 6: Ngày 25/1/ 2018 ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu trả lãi tiền gửi, số tiền là 285.148 đồng.

Căn cứ vào giấy báo Có của Ngân hàng , kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó vào Sổ Cái tài khoản 515.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 285.148

Có TK 515 : 285.148

Biểu số 2.15 - GBC 25/1 - Ngân hàng TMCP Á Châu

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Chi nhánh: Thị trấn Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng.



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25 tháng 1 năm 2018

Mã GDV:

Mã KH: 81285

Số GD: 25/1

Kính gửi: Công ty TNHH Nam Thiện

MST: 0200603894

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số TK ghi CÓ: **1001137519**

Số tiền bằng số: **285.148đ**

Số tiền bằng chữ: Hai trăm tám mươi năm nghìn một trăm bốn mươi tám đồng /.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.16 - Sổ nhật ký chung (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
3/1	PX03/1	3/1	Xuất kho bán tủ lạnh cho công ty CP Minh Tuấn	632 156	19.050.000	19.050.000
3/1	GBC 03/1	3/1	Bán Tủ lạnh PANASONIC 255L NR-BV288GKV cho công ty CP Minh Tuấn thu bằng CK	112 511 3331	23.100.000	21.000.000 2.100.000
					
25/1	GBC 25/1	25/1	Lãi tiền gửi tháng 1	112 515	285.148	285.148
26/1	PC 20/1	26/1	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	100.000.000	100.000.000
27/1	PC21/1	27/1	Chi tiền mua VPP	6422 133 111	1.800.000 180.000	1.980.000
					
			Cộng SPS		89.170.181.667	89.170.181.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.17 - Sổ Cái TK 515 (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2018 Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
25/1	GBC25/1	25/1	Lãi tiền gửi tháng 1	112		285.148
25/2	GBC25/2	25/2	Lãi tiền gửi tháng 2	112		214.419
25/3	GBC25/3	25/3	Lãi tiền gửi tháng 3	112		200.197
			...			
31/12	PKT 27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	3.925.876	
			Cộng SPS		3.925.876	3.925.876
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

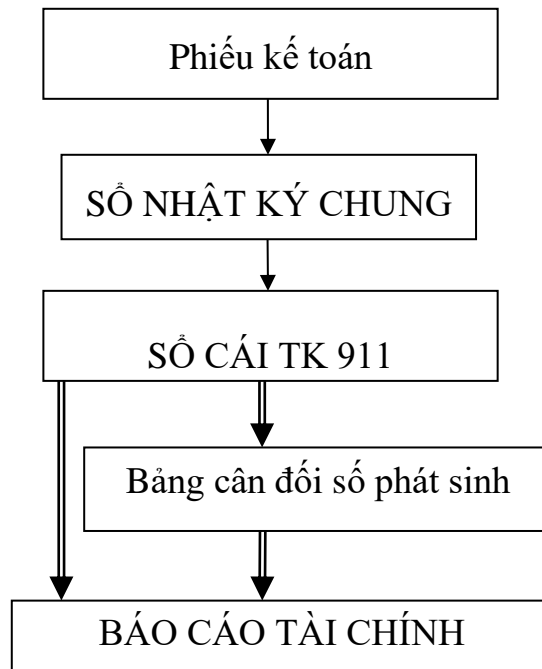
Trong năm 2018, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**2.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- TK 632 “ Giá vốn hàng bán ”
- TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính ”
- TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh ”
- TK 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ”
- TK 911 “ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh ”
- TK 421 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ”
- TK 711 “ Thu nhập khác ”
- TK 811 “ Chi phí khác ”

2.2.6.4. Quy trình hạch toán**Ghi chú:**

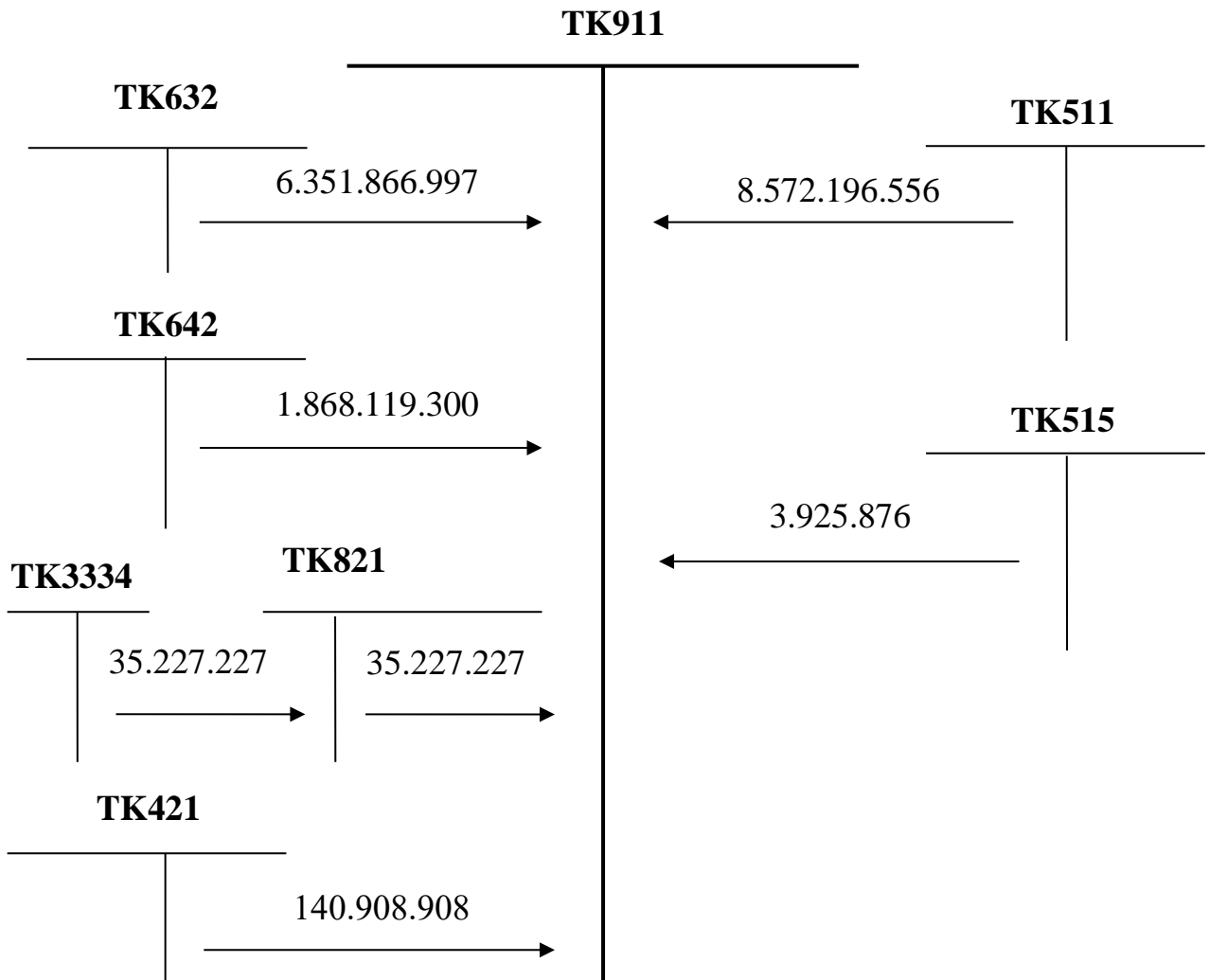
Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇒

Sơ đồ 2.8 – Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH

Nam Thiên

Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2018 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2018 của công ty

Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 911.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = 8.572.196.556 + 3.925.876 - 6.531.866.997 - 1.868.119.300 = 176.136.135$$

Khi đó:

$$\text{Thuế TNDN} = 176.136.135 \times 20\% = 35.227.227 \text{ đồng}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 176.136.135 - 35.227.227 = 140.908.908 \text{ đồng}$$

Kết quả kinh doanh năm 2018 của doanh nghiệp là Lãi.

Biểu số 2.18 - Phiếu kế toán số 27/12

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số 27/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu năm 2018

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.572.196.556	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	3.925.876	
911	Xác định kết quả kinh doanh		8.576.2122.432
Tổng		8.576.2122.432	8.576.2122.432

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 - Phiếu kế toán số 28/12

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số 28/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển chi phí năm 2018

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	8.219.986.297	
632	Giá vốn hàng bán		6.531.866.997
642	Chi phí quản lý kinh doanh		1.868.119.300
Tổng		8.219.986.297	8.219.986.297

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20- Phiếu kế toán số 29/12**CÔNG TY TNHH NAM THIÊN****Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số 29/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2018

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
821	Chi phí thuế TNDN	35.227.227	
3334	Thuế TNDN		35.227.227
Tổng cộng		35.227.227	35.227.227

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21 - Phiếu kế toán số 30/12**CÔNG TY TNHH NAM THIÊN****Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số 30/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2018

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	35.227.227	
821	Chi phí thuế TNDN		35.227.227
Tổng		35.227.227	35.227.227

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22 - Phiếu kế toán số 31/12

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Số 31/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển lãi năm 2018

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	140.908.908	
421	LN chưa phân phối		140.908.908
Tổng cộng		140.908.908	140.908.908

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.23 - Sổ nhật ký chung (trích)

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	8.572.196.556	8.572.196.556
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	3.925.876	3.925.876
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	6.531.866.997	6.531.866.997
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	1.868.119.300	1.868.119.300
31/12	PKT29/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	35.227.227	35.227.227
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	35.227.227	35.227.227
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	140.908.908	140.908.908
					
			Cộng SPS		89.170.181.667	89.170.181.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.24 - Sổ Cái TK 911

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03b – DNN

*(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC*

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		8.572.196.556
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		3.925.876
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	6.531.866.997	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1.868.119.300	
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	35.227.227	
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	140.908.908	
			Cộng SPS		8.576.122.432	8.576.122.432
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25 - Sổ Cái TK 821

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN
Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT29/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	35.227.227	
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		35.227.227
			Cộng SPS		35.227.227	35.227.227
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2.26 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Mẫu số B02-DNN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính :đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8.572.196.556	6.538.465.129
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	8.572.196.556	6.538.465.129
4	Giá vốn hàng bán	11	6.531.866.997	4.383.778.462
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	2.040.329.559	2.154.686.667
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.925.876	3.099.791
7	Chi phí tài chính	22		
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	1.868.119.300	1.791.227.905
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30	176.056.135	366.558.553
10	Thu nhập khác	31		
11	Chi phí khác	32		
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	176.056.135	366.558.553
14	Chi phí thuế TNDN	51	35.227.227	113.189.711
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	140.908.908	253.368.842

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Người ghi sổ

Người ghi sổ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM THIỆN

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.

Ngay từ khi mới thành lập Công ty TNHH Nam Thiện cũng đã có rất nhiều cố gắng và sự nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Trong nhiều năm qua công ty đã không ngừng vươn lên, quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về kinh doanh các mặt hàng như: ti vi, tủ lạnh, máy giặt... Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua thì đó lại là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của Đảng đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại Công ty TNHH Nam Thiện, được tiếp nhận với thực tế công tác nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán tài chính, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện.

3.1.1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán

tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

✚ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

✚ Về hình thức kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

✚ Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

✚ Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính (theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính) về việc áp dụng chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời trong quá trình hạch toán, công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

✚ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

✚ Thứ nhất: Công ty chỉ áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

✚ Thứ hai: Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH Nam Thiện mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

Thứ ba: Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các

khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao,

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện

3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán đồ điện tử, điện lạnh,... khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Nam Thiện em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn.

Nội dung hưởng chiết khấu	Số % được hưởng
khách hàng ≥ 10 sp	0,5%
khách hàng ≥ 20 sp	1%

Ví dụ 1:

Ngày 15/01 bán hàng cho Trường Tiểu học Minh Khai theo HĐ0000037 số tiền 126.000.000 đồng (chưa có VAT10%). Trường Tiểu học Minh Khai mua 14Tivi LED Sony KDL-43L660F 35inch với đơn giá 9.000.000/chiếc, vì vậy

Công ty TNHH Nam Thiện khi viết hóa đơn xuất bán ngày 15/1 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 0,5%

Tổng số tiền chiết khấu là: $14 \times 9.000.000 \times 0,5\% = 630.000$

Biểu số 3.1 HĐ GTGT số 0000037

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 15 tháng 1 năm 2018				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: HQ/18P Số: 0000037	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH NAM THIÊN Mã số thuế: 0200603894 Địa chỉ: Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP Số tài khoản: 1001737519 Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)					
Tên người mua: Đào Huy Hùng Đơn vị mua hàng: Trường tiểu học Minh Khai Mã số thuế: 5700987538 Địa chỉ: 53 Lê Chân, Lê Chân, Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....Số tài khoản.....					
TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tivi LED Sony KDL-43L660F 35inch	Chiếc	14	9.000.000	126.000.000
2	Chiết khấu thương mại				630.000
Cộng tiền hàng					125.370.000
Thuế GTGT :10%			Tiền thuế GTGT		12.537.000
Tổng tiền thanh toán					137.807.000
Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

3.2.4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET



MISA SME.NET

MISA SME.NET 2018 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế.

MISA SME.NET 2018 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.



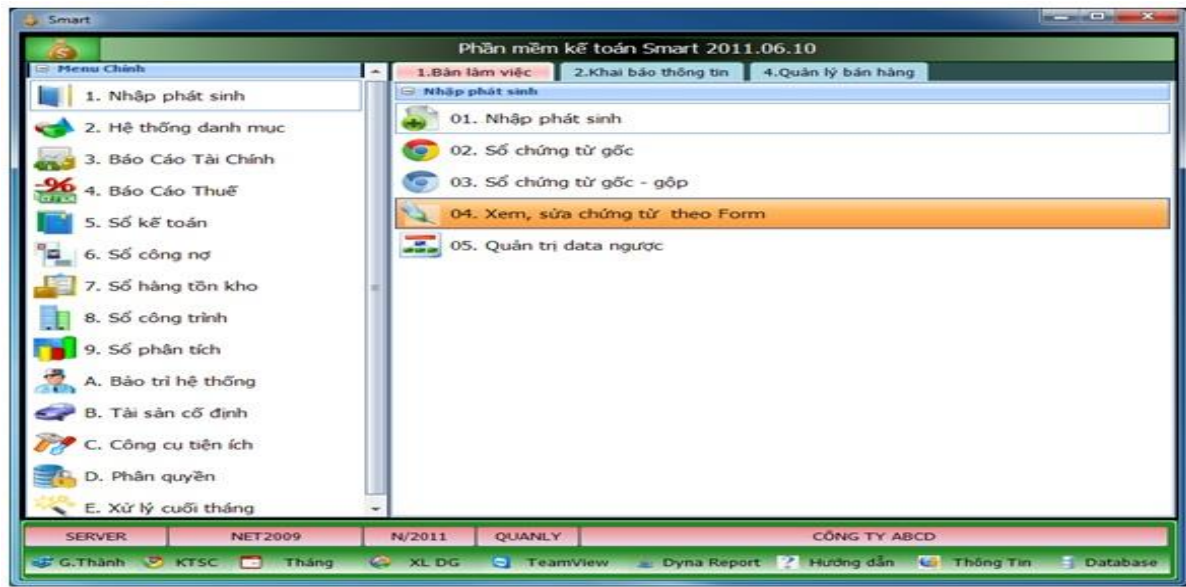
Giá: 10,950,000.00 đồng

Các phân hệ của MISA

Phần mềm kế toán thương mại SMART



Giá: 3,000,000 đồng



Chức năng phần mềm kế toán thương mại SMART:

- + Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- + Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- + Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- + Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau....

Qua quá trình tìm hiểu đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH Nam Thiện, em xin tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán thương mại Smart vì phần mềm này phù hợp nhất cả về tính năng và giá cả, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

3.2.4.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Nam Thiện.

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

➤ **Phương pháp lập dự phòng:**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng $\leq T \leq$ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< T <$ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< T <$ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T >$ 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí QLKD.

➤ **Phương pháp hạch toán**

a) Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293).

b) Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh.

c) Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 334...(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Phần được tính vào chi phí

Có các TK 131, 138, 128, 244...

d) Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác.

đ) Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thỏa thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 - Số tổn thất từ việc bán nợ

Có các TK 131, 138, 128, 244...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 – Số đã lập dự phòng

Nợ TK 642 - Số tổn thất từ việc bán nợ

Có các TK 131, 138, 128, 244...

e) Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

✓ **Ví dụ minh họa:**

Từ bảng kê công nợ và dựa vào mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi vào ngày 31/12 như sau:

Biểu 3.1 - Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2018

CÔNG TY TNHH NAM THIÊN

Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty Xây lắp điện và viễn thông	82.800.000		82.800.000			
Công ty TNHH Hoàng Dương	88.233.994			88.233.994		16 tháng 5 ngày
Công ty Cổ phần Minh Tuấn	60.155.190	60.155.190				
Công ty TNHH Tùng Mai	47.425.580			47.425.580		13 tháng 20 ngày
Công ty vận tải Thanh Xuân	98.124.521			98.124.521		7 tháng
.....						
Tổng cộng	836.519.550	215.003.336	332.600.300	333.784.095		

Biểu 3.2 - Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi**CÔNG TY TNHH NAM THIÊN****Thôn Tiên Lãng, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, HP****BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên khách hàng	Số tiền Nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH Hoàng Dương	88.233.994	18 tháng 5 ngày	50%	44.116.997
Công ty TNHH Tùng Mai	47.425.580	13 tháng 20 ngày	50%	23.712.790
Công ty Vận tải Thanh Xuân	98.124.521	7 tháng	30%	29.437.356
Tổng cộng	333.784.095			87.267.143

Kế toán định khoản

Nợ TK 642: 87.267.143

Có TK 2293: 87.267.143

KẾT LUẬN

Trong kinh doanh, với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng. Có thể nói, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao.

- + Hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành...

Bên cạnh đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng không tránh khỏi những mặt còn tồn tại đó là:

- + Công tác ghi chép sổ sách kế toán còn thủ công.
- + Chưa quan tâm đến các chính sách thúc đẩy bán hàng
- + Chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Thiện:

- Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán.
- Kiến nghị về áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Kiến nghị về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế còn chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự cảm thông và góp ý kiến đánh giá của các thầy cô.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Nam Thiện (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên internet.